

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh
Trần Hữu P

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiều

2. Bà Đặng Thị Xuyên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2025/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXX - ST ngày 10 tháng 6 năm 2025, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 18/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1981;

HKTT và nơi ở: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình;

- Bị đơn: Anh **Trần Hữu P**, sinh năm 1976;

HKTT: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình

(Anh P, chị H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 4 năm 2025, bản tự khai đề ngày 21 tháng 4 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 12 năm 2003 tại UBND xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống đến năm 2005 thì nảy sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do anh P vay nợ ăn uống hàng quán chịu của nhiều người, nợ nần và đặt điều nói xấu chị. Vì vậy chị phải bỏ về nhà mẹ đẻ ở tại xã H. Gia đình hai bên đã hòa giải và anh P hứa sẽ thay đổi nên chị đã cho anh cơ hội nhưng anh P không những không thay đổi mà còn quá ra khiến kinh tế gia đình sa sút, chị phải gửi con cho ông bà ngoại nuôi để đi làm ăn xa. Từ năm 2004 đến năm 2013 vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Có lần cao trào, anh P xô ngã chị làm chị ngã xối máu tại chỗ, anh P đã bế con bỏ trốn về nhà đẻ ở xã B. Năm 2016 chị về nước thì vợ chồng cãi vã, anh P đã cầm dao đe dọa giết cả hai người. Do thời gian ngắn chị không thể làm thủ tục ly hôn. Trước đây, chị đi làm có hợp đồng lao động tại công ty cung cấp nhân lực Bảo Hóa, thời gian ký hợp đồng 03 năm 01 lần, cứ hết hợp đồng thì ký tiếp. Đến tháng 7/2024 chị chưa hết hợp đồng lao động nhưng công việc khó khăn, chị bỏ ra ngoài. Vì con thứ hai của anh chị ở lứa tuổi nhạy cảm nên bố mẹ chị đã điện cho chị về chăm sóc con. Ngày 31/3/2025 chị đã về nước theo diện trục xuất và hiện không có hợp đồng lao động nào tại nước ngoài (chị H xuất trình 01 Giấy xác nhận tự thú và 01 bản sao hộ cK của chị). Trong suốt quá trình chị xa nhà anh P vẫn lấy danh con rể bố mẹ chị để vay tiền hàng xóm và quan hệ trai gái bừa bãi, bỏ bê con cái không đoái hoài trông nom, dạy dỗ. Chị đã khuyên bảo nhiều nhưng anh P không nghe, vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 đến nay, tình cảm của chị với anh P đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Trong thời gian làm thủ tục ly hôn, anh P vẫn không có ý thức xây dựng gia đình, cải thiện mâu thuẫn, cụ thể anh tung tin chị có quan hệ bất chính và có con riêng, anh bê bát hương và di ảnh của bố mẹ anh ra ngoài nhà và đổ cho chị, anh tự ý thay chìa khóa không cho chị vào nhà để thắp hương, mục đích là để chiếm đoạt nhà của bố mẹ chị, anh cũng không qua lại gia đình nhà bố mẹ đẻ chị để tạo mối quan hệ tình cảm, không thăm nom gặp gỡ bố mẹ chị, chị cũng như các con, cũng không chủ động gặp trực tiếp hoặc nói chuyện, nhắn tin qua điện thoại cho chị,...

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là: Trần Minh K, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2004; Trần Minh T, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2012. Hiện nay con K đã đủ 18 tuổi, tự lập, chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi con K. Con T đang sống cùng với chị và bố mẹ đẻ chị ở thôn H, xã H, cháu đang học lớp 8 tại trường THCS xã H. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con T, yêu cầu anh P phải góp cấp dưỡng tiền nuôi con T là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con T đủ 18 tuổi. Chị đã được Tòa án giải thích về mức cấp dưỡng theo quy định hiện nay nhưng chị vẫn chỉ yêu cầu anh P cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng. Hiện nay chị đang là công nhân tại thị trấn Vũ Thư, mức lương 10.000.000 đồng/tháng, chỗ ở tại nhà bố mẹ đẻ chị nên chị có đủ điều kiện xin nuôi con T.

Về quan hệ tài sản: Chị và anh P không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Văn bản trình bày ý kiến đề ngày 14 tháng 5 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Hữu P trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn của anh và chị H phù hợp như chị H đã trình bày. Tuy nhiên, vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì, không đánh đập, chửi bới,

không vướng vào tệ nạn hay ngoại tình. Thậm chí chị H còn coi thường anh và có lời lẽ văng tục anh đều bỏ qua vì muốn vợ chồng gần gũi. Chị H còn ngoại tình với người đàn ông ở Thanh Hóa khi đi làm tại Đài Loan. Tuy nhiên anh chưa gặp người này và chị H không thừa nhận. Chứng cứ ngoại tình của chị H anh chưa có. Tháng 7/2013 chị H đi Đài Loan lao động, trong quá trình đi chị H chỉ về nhà 03 lần và cắt đứt mọi liên lạc và không về chung sống với anh từ đó đến nay. Chị H sống ở nhà bố mẹ vợ anh trong khi nhà anh ở cách nhà bố mẹ vợ có 05 nhà. Năm 2015 chị H đã một lần ép anh ly hôn, anh không muốn con anh có bố mà không có mẹ nên không đồng ý. Nay chị H tiếp tục xin ly hôn anh, quan điểm của anh vẫn không đồng ý ly hôn. Lý do con sắp xây dựng gia đình, anh không muốn ly hôn làm ảnh hưởng đến con. Tòa án đã giải thích và yêu cầu anh cung cấp chứng cứ thể hiện anh có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, cải thiện cuộc sống hôn nhân theo nguyện vọng xin đoàn tụ vợ chồng của anh, anh nhất trí. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh P không có tài liệu, chứng cứ hay đưa ra được biện pháp cải thiện mâu thuẫn vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Anh trình bày đúng như chị H đã trình bày. Ly hôn, anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Minh T và đồng ý cấp dưỡng nuôi con T mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi như anh chị đã thống nhất trước khi mở phiên tòa tại phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ.

Về quan hệ tài sản và nợ chung của vợ chồng anh chị không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Biên bản xác minh ngày 04 tháng 6 năm 2025 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Vũ Thư thể hiện: Chị H và anh P là vợ chồng hợp pháp. Mâu thuẫn của anh chị địa phương không nắm được. Chị H đi làm ăn xa tại Đài Loan và đã về nước tháng 3/2025 hiện đang sống cùng con thứ hai tại nhà bố mẹ đẻ chị cùng thôn với anh P. Công việc của chị H và anh P địa phương không nắm được. Bản thân chị H và bố mẹ đẻ chị H là người luôn chấp hành tốt pháp luật, không có vi phạm gì.

4. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 26 tháng 5 năm 2025, ông Vũ Ngọc Hiền (là bố đẻ của chị H) trình bày:

Chị H và anh P kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Vũ Vinh vào năm 2003. Quá trình chung sống, anh P thường giao du với bạn bè uống rượu, ăn uống ngoài quán tiêu pha nhiều dẫn đến nợ nần, viêm gan B. Gia đình ông và chị H đã đưa đi chữa trị nhiều nơi, trả tiền nợ cho anh P nhưng anh P vẫn không sửa đổi, không tiết kiệm, không đỡ đàn gì vợ con, không vun vén chí thú cho gia đình từ hơn 20 năm nay. Chị H và gia đình ông đã khuyên bảo nhưng anh P không thay đổi được. Anh chị ly thân từ năm 2013 đến nay. Chị H và các con sinh sống tại nhà của gia đình ông. Ông đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo nguyện vọng của chị H.

Về con chung, anh chị có 02 con chung như chị H trình bày. Chị H đang làm công nhân tại tỉnh Thái Bình. Ông bà và gia đình cam đoan sẽ tiếp tục hỗ trợ mẹ con chị H sinh sống ổn định và nuôi dưỡng con phát triển tốt.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng anh chị không có.

5. Tại Bản tự khai đề ngày 14 tháng 5 năm 2025, cháu Trần Minh T trình bày nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

*** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Vũ Thư phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị: Xử cho chị H được ly hôn anh P; Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Minh T, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2012. Anh P cấp dưỡng nuôi con T 1.500.000đồng/tháng đến khi con T đủ 18 tuổi. Về tài sản: Do chị H, anh P đều không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh P phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Chị H khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh P có đăng ký thường trú tại thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

2. Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị H và anh P đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 24 tháng 12 năm 2003 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống, do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp; thường xuyên bất đồng về quan điểm sống và cách chi tiêu, quản lý kinh tế gia đình nên anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã, to tiếng căng thẳng dẫn đến cuộc sống ly thân, mỗi người một nơi. Chị H trình bày cuộc sống vợ chồng liên tục xảy ra cãi vã, anh P có biểu hiện ngoại tình, nói xấu chị dẫn đến tình cảm vợ chồng dần nứt, vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Anh P cho rằng vợ chồng không mâu thuẫn gì, nên anh cũng không tìm được biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình trạng hôn nhân được tốt hơn; Tuy nhiên, anh P lại thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ khi chị H đi xuất khẩu lao động năm 2013, khi về nước chị H cũng không về chung sống với anh, có biểu hiện ngoại tình, việc anh không đồng ý ly hôn là vì con, chị H có lời lẽ xúc phạm anh,... Chị H trình bày tại phiên tòa kiên quyết ly hôn và không về chung sống với anh P nếu giải thiết cho vợ chồng đoàn tụ.

Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: Vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung, yêu thương, tôn trọng nhau, cùng có trách nhiệm giúp đỡ nhau phát triển, xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng chị H không còn yêu thương và không còn muốn chung sống cùng anh P, theo anh P, chị H không còn tôn trọng chồng nữa nên đã có lời nói xúc phạm anh, có việc làm anh không thể chấp nhận là đưa bát hương và di ảnh của bố mẹ anh ra khỏi nhà.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị H và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn anh P.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Hiện nay con K đã trưởng thành. Con T đang học lớp 8. Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giao cho chị H trực tiếp nuôi con T, con T cũng trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Xét về điều kiện nuôi con thì chị H có đủ điều kiện nuôi dưỡng con T: có thu nhập, có nơi ở ổn định và có sự trợ giúp của gia đình trong việc chăm sóc con chung nên giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con T. Trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa, chị H và anh P thỏa thuận được với nhau về việc anh P cấp dưỡng nuôi con T nên cần ghi nhận: Anh P cấp dưỡng nuôi con T mỗi tháng là 1.500.000đồng.

[2.3] Về tài sản: Chị H và anh P không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh P chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Trần Hữu P.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Minh T, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2012. Ghi nhận việc anh Trần Hữu P và chị Vũ Thị H thỏa thuận anh Trần Hữu P cấp dưỡng nuôi con T 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng, kể từ tháng 7 năm 2025 cho đến khi con T đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần.

Anh P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Anh P và chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001917 ngày 14 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư thành tiền án phí. Anh Trần Hữu P phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/6/2025).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư;
- Chi cục THADS huyện Vũ Thư;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện Vũ Thư;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)